

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 48/2025/DS-ST

Ngày: 13/5/2025

“V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mai Ka

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hương

Ông Trần Văn Kiệt

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Cẩm – Thư ký TAND huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long: Ông Trần Long Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 347/2024/TLST-DS, ngày 28 tháng 11 năm 2024 về “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2025/QĐXXST-DS, ngày 01 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 105/2025/QĐXXST-DS, ngày 21 tháng 4 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị T**, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số H, đường H, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Vũ Thị T: Anh **Nguyễn Tấn Đ**, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: Số E, đường P, phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn:

+ Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1979 (vắng mặt).

+ Anh **Nguyễn Ngọc P**, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 03/7/2024, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Vũ Thị T có người đại diện là anh Nguyễn Tấn Đ trình bày:

Trước đây chị Vũ Thị T và vợ chồng anh Nguyễn Ngọc P và chị Nguyễn Thị H là chỗ quen biết. Ngày 29/01/2023 chị T có cho vợ chồng chị H và anh P vay số tiền 200.000.000 đồng, mục đích vay để xoay sở việc kinh doanh trong gia đình, lãi suất vay là 6%/tháng, thời hạn trả lãi là ngày 29 tây hàng tháng và thời hạn thanh toán nợ gốc là 04 tháng.

Ngày 16/4/2023 chị T tiếp tục cho vợ chồng chị H và anh P vay số tiền 150.000.000 đồng, mục đích vay để xoay sở việc kinh doanh trong gia đình, lãi suất vay là 8%/tháng, thời hạn trả lãi là ngày 16 tây hàng tháng và thời hạn thanh toán nợ gốc là 04 tháng

Đến ngày 19/02/2024 chị T tiếp tục cho vợ chồng chị H và anh P vay số tiền 33.000.000 đồng, mục đích vay để xoay sở việc kinh doanh trong gia đình, lãi suất vay là 8%/tháng, thời hạn trả lãi là ngày 16 tây hàng tháng và thời hạn thanh toán nợ gốc là 04 tháng

Tuy nhiên từ khi vay tiền cho đến nay vợ chồng chị H và anh P vẫn không trả nợ gốc và lãi cho chị T. Chị T đã nhiều lần liên hệ nhưng chị H và anh P vẫn cố tình trốn tránh, không chịu trả tiền cho chị T.

Nay chị T khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh Nguyễn Ngọc P và chị Nguyễn Thị H phải trả cho chị T số tiền nợ gốc là 383.000.000 đồng, nợ lãi tính từ ngày 29/4/2023 đến ngày 30/6/2024 theo mức lãi suất là 1,66%/tháng là 89.000.000 đồng, tổng nợ gốc và lãi là 472.000.000 đồng; yêu cầu tiếp tục tính lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Ngày 24/4/2025 chị Vũ Thị T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với biên nhận ngày 19/02/2024 số tiền vay là 33.000.000 đồng vì chị T đã làm thất lạc biên nhận này nên xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay trên.

- Bị đơn anh Nguyễn Ngọc P và chị Nguyễn Thị H đã được Tòa án niêm yết, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn anh Nguyễn Tấn Đ trình bày: Anh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh P và chị H có nghĩa vụ liên đới trả cho chị T số tiền nợ gốc là 350.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất là 1,66%/tháng tính từ ngày 29/4/2023 đến ngày 13/5/2025 số tiền là 139.440.000 đồng, tổng số tiền nợ gốc và lãi anh P và chị H phải trả cho chị T là 489.440.000 đồng; yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 14/5/2025 đến khi anh P và chị H thanh toán xong nợ.

Bị đơn anh Nguyễn Ngọc P và chị Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên xét xử của Tòa án.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long:

Áp dụng Điều 147, 217, 219, 227, 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Đình chỉ đối với yêu cầu buộc anh Nguyễn Ngọc P và chị Nguyễn Thị H phải trả cho chị T số tiền nợ gốc là 33.000.000 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Vũ Thị T.

Buộc anh Nguyễn Ngọc P phải có nghĩa vụ trả cho chị Vũ Thị T số tiền là 281.229.333 đồng (trong đó nợ gốc là 200.000.000 đồng, nợ lãi 81.229.333 đồng).

Không chấp nhận đối với yêu cầu buộc anh Nguyễn Ngọc P và chị Nguyễn Thị H phải trả cho chị T số tiền 208.210.667 đồng.

Không chấp nhận đối với yêu cầu buộc chị Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ liên đới cùng anh Nguyễn Ngọc P phải trả cho chị Vũ Thị T.

Về án phí: Buộc chị Vũ Thị T phải chịu 10.410.000 đồng, anh Nguyễn Ngọc P phải chịu 14.061.466 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục:

- Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là quan hệ hợp đồng dân sự về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự. Do bị đơn anh Nguyễn Ngọc P và chị Nguyễn Thị H cư trú tại xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long nên Tòa án nhân dân huyện Long Hồ thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Về người tham gia tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Ngọc P và chị Nguyễn Thị H đã được Tòa án niêm yết, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến. Vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của chị Vũ Thị T yêu cầu anh Nguyễn Ngọc P và chị Nguyễn Thị H trả cho chị T số tiền vay là 350.000.000 đồng:

Chị T có cung cấp cho Tòa án chứng cứ chứng minh yêu cầu khởi kiện của chị là Giấy cho vay tiền ngày 29/01/2023 và Giấy cho vay tiền ngày 16/4/2023, có chữ ký P.

Xét Giấy cho vay tiền ngày 29/01/2023 thể hiện anh P có vay của chị T số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng, có chữ ký P ở cuối biên nhận, từ đó xác định việc anh P có vay của chị T số tiền 200.000.000 đồng là có xảy ra trên thực tế. Tại thời điểm xác lập biên nhận anh P có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, việc vay tiền trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội. Như vậy giữa anh P và chị T có xác lập với nhau giao dịch dân sự vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử xét thấy đây là hợp đồng hợp pháp, làm căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên khi tham gia giao kết hợp đồng.

Xét Giấy cho vay tiền ngày 16/4/2023 tại phần “Số tiền bằng chữ” và phần “Cam kết của các bên” có chỉnh sửa thêm vào chữ “Một trăm” trước chữ “Năm mươi triệu đồng” để thể hiện số tiền mà anh P vay của chị T là 150.000.000 đồng. Tuy nhiên qua xem xét phần chữ “Năm mươi triệu đồng chẵn” chữ “N” là chữ viết hoa, do đó có thể xác định phần chữ viết ban đầu là “Năm mươi triệu đồng chẵn”. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 31/3/2025 anh Đ là người đại diện của chị T thừa nhận các biên nhận là do chị T viết, anh P chỉ ký tên vào Biên nhận, chị T cũng là người giữ các biên nhận và giao nộp cho Tòa án, anh P và chị H không thể nào chỉnh sửa lại các biên nhận này. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã ra Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ yêu cầu chị T cung cấp bản khai trình bày về việc chỉnh sửa tại giấy vay tiền ngày 16/4/2023 nhưng chị T không cung cấp cho Tòa án. Tại phiên tòa anh Đ là người đại diện của chị T thừa nhận có nhận được Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ của Tòa án nhưng không thực hiện theo yêu cầu. Do đó có thể xác định Giấy cho vay tiền ngày 16/4/2023 là do chị T tự ý thêm vào số tiền vay “Một trăm” và số tiền vay ban đầu được xác định là 50.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án anh P và chị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt không lý do, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cũng như có văn bản ý kiến phản hồi yêu cầu khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, những chứng cứ do Tòa án thu thập được. Như vậy anh P và chị H đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại khoản 5 Điều 70 Bộ Luật tố tụng dân sự, đây cũng là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ Luật tố tụng dân sự. Do đó việc chị T khởi kiện yêu cầu anh P phải trả cho chị T số tiền 350.000.000 đồng là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên như đã nhận định trên biên nhận ngày 16/4/2023 có dấu hiệu chỉnh sửa nên Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T buộc anh P phải trả cho chị T số tiền vay là 250.000.000 đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị T buộc chị H và anh P phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền vay cho chị T. Xét các Giấy cho vay tiền ngày 29/01/2023 và ngày 16/4/2023 chỉ thể hiện anh P vay tiền của chị T và chỉ có anh P ký tên vào các giấy cho vay này, không thể hiện chị H có vay tiền của chị T và chị H cũng không ký tên trong Biên nhận. Hai biên nhận cũng không thể hiện mục đích vay tiền là xoay sở việc kinh

doanh trong gia đình như lời nguyên đơn trình bày. Tại biên bản ghi lời khai ngày 31/3/2025 anh Đ trình bày chị T đã giao đủ tiền cho anh P và chị H nhận trực tiếp tại nhà chị T. Như vậy tại thời điểm giao tiền và viết biên nhận có mặt chị H nhưng chị T không yêu cầu chị H ký tên vào biên nhận nhưng chị T cho rằng chị H có vay tiền với anh P là không có căn cứ. Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T buộc chị H phải có nghĩa vụ liên đới với anh P trả tiền vay cho chị T.

[2.2] Về lãi suất:

Xét Giấy cho vay tiền ngày 29/01/2023 thể hiện lãi suất là 6%/tháng và Giấy cho vay tiền ngày 16/4/2023 thể hiện lãi suất là 8%/tháng là không đúng quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất trên số tiền nợ gốc 250.000.000 đồng theo mức lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 29/4/2023 là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại các điều 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Như vậy số tiền lãi suất anh P phải trả cho chị T tính từ ngày 29/4/2023 đến ngày xét xử là ngày 13/5/2025 là: $(250.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/tháng) \times 24 \text{ tháng} + (250.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\%/ngày) \times 14 \text{ ngày} = 101.525.000 \text{ đồng}$

[2.3]. Chị T tự nguyện rút lại yêu cầu đối với Biên nhận nợ vay ngày 19/02/2024 số tiền nợ gốc là 33.000.000 đồng do bị thất lạc biên nhận nên không cung cấp được biên nhận đối với số tiền vay này. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị T là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên căn cứ Điều 217, Điều 219 Bộ Luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này của chị T.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc anh P phải có nghĩa vụ trả cho chị T số tiền nợ gốc và lãi là 351.525.000 đồng (trong đó nợ gốc là 250.000.000 đồng, nợ lãi 101.525.000 đồng)

[3] Về án phí:

Nguyên đơn phải chịu số tiền án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận là: $(489.440.000 \text{ đồng} - 351.525.000 \text{ đồng}) \times 5\% = 6.896.000 \text{ đồng}$.

Buộc anh P phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: $351.525.000 \text{ đồng} \times 5\% = 17.576.000 \text{ đồng}$.

[4] Ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 219, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện buộc anh Nguyễn Ngọc P và chị Nguyễn Thị H phải trả cho chị Vũ Thị T số tiền nợ gốc là 33.000.000 đồng (Ba mươi ba triệu đồng).

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Vũ Thị T.

1. Buộc anh Nguyễn Ngọc P có nghĩa vụ trả cho chị Vũ Thị T số tiền vay là 351.525.000 đồng (Ba trăm năm mươi một triệu, năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng) (trong đó nợ gốc là 250.000.000 đồng, nợ lãi 101.525.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Không chấp nhận đối với yêu cầu buộc anh Nguyễn Ngọc P và chị Nguyễn Thị H phải trả cho chị Vũ Thị T số tiền 137.915.000 đồng (Một trăm ba mươi bảy triệu, chín trăm mười lăm nghìn đồng).

3. Không chấp nhận đối với yêu cầu buộc chị Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ liên đới cùng anh Nguyễn Ngọc P trả tiền cho chị Vũ Thị T.

4. Về án phí:

Buộc chị Vũ Thị T phải chịu 6.896.000 đồng (Sáu triệu, tám trăm chín mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.440.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001709 ngày 28/11/2024, hoàn trả cho chị T số tiền 4.544.000 đồng (Bốn triệu, năm trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ.

Buộc bị đơn anh Nguyễn Ngọc P phải nộp 17.576.000 đồng (Mười bảy triệu, năm trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vụ án được xét xử công khai. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày được niêm yết./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ: 02;
- Chi cục thi hành án DS huyện Long Hồ: 02;
- Dương sự: 04;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã Ký)

Ngô Thị Mai Ka